

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHAN TRÀ GIANG

**PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP
TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH GIA LAI**

Chuyên ngành: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NGUYỄN THỊ THU ĐÔNG**

- Phản biện 1: **TS. Hồ Hữu Tiến**
- Phản biện 2: **TS Nguyễn Hữu Dũng**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 17 tháng 10 năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin Học liệu - Đại Học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế quốc dân vai trò của ngành nông nghiệp vô cùng quan trọng. Ngành nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế quan trọng và phức tạp. Tuy nhiên, vốn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn thiếu, mới đáp ứng hơn 1/2 nhu cầu. Chính phủ cũng đã ban hành một loạt các văn bản về chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển lĩnh vực nông nghiệp.

Thực tiễn tại Chi nhánh Agribank Gia Lai những năm qua, hoạt động cho vay nông nghiệp luôn chiếm tỷ trọng khá lớn so với tổng dư nợ cho vay, bên cạnh những thành công đạt được vẫn còn những hạn chế nhất định. Hoạt động cho vay nông nghiệp còn hạn chế từ khâu xác định mục tiêu cho đến các khâu tổ chức điều tra nghiên cứu thị trường và khâu kiểm tra kiểm soát sau cho vay.

Xuất phát từ vấn đề trên, qua thời gian thực tập tại Agribank - Chi nhánh Gia Lai, tác giả chọn đề tài "Phân tích hoạt động cho vay nông nghiệp tại Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai " làm đề tài nghiên cứu nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện hoạt động cho vay nông nghiệp tại Agribank - Chi nhánh Gia Lai trong thời gian tới.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về phân tích hoạt động cho vay nông nghiệp.

- Phân tích và đánh giá thực trạng cho vay nông nghiệp tại Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai từ năm 2012 đến năm 2014.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện hoạt động cho vay nông nghiệp tại Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

tỉnh Gia Lai trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề lý luận về hoạt động cho vay nông nghiệp của NHTM và thực tiễn hoạt động cho vay nông nghiệp tại Chi nhánh Agribank Gia Lai.

Phạm vi nghiên cứu:

Về nội dung: Để có cơ sở phân tích hoạt động cho vay nông nghiệp, tác giả nghiên cứu toàn bộ những nội dung liên quan đến hoạt động cho vay NN (bao gồm tình hình thực hiện các khâu từ xác định mục tiêu, môi trường cho vay, khâu tổ chức thực hiện cho đến kết quả cho vay nông nghiệp) tại Chi nhánh Agribank Gia Lai.

+ Về không gian: Nghiên cứu tại Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.

+ Về thời gian: Đề tài dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu giai đoạn năm 2012 đến năm 2014 và nhằm đề xuất các giải pháp hoàn thiện hướng đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

5. Bố cục luận văn

Luận văn ngoài phần mở đầu, kết luận, gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phân tích hoạt động cho vay nông nghiệp của ngân hàng thương mại.

Chương 2: Phân tích hoạt động cho vay nông nghiệp tại Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hoạt động cho vay nông nghiệp tại Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. CHO VAY NÔNG NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nông nghiệp

1.1.2. Cho vay nông nghiệp của ngân hàng thương mại

a. Khái niệm cho vay nông nghiệp

b. Đặc điểm cho vay nông nghiệp

c. Các hình thức cho vay nông nghiệp

*d. Vai trò của hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại
đối với sự phát triển nông nghiệp*

e. Các nhân tố ảnh hưởng đến cho vay nông nghiệp

1.2. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1. Mục tiêu phân tích hoạt động cho vay nông nghiệp

1.2.2. Nội dung phân tích hoạt động cho vay nông nghiệp

*a. Phân tích mục tiêu của hoạt động cho vay nông nghiệp
của ngân hàng thương mại*

b. Phân tích môi trường cho vay nông nghiệp

- Phân tích môi trường bên ngoài có ảnh hưởng đến hoạt động cho vay NN của NH: đặc điểm KT –XH của thị trường mục tiêu; những nhân tố thuộc về môi trường vĩ mô; môi trường cạnh tranh,...

- Phân tích môi trường bên trong của NH. Nội dung chủ yếu là phân tích những đặc điểm cơ bản có ảnh hưởng lớn đến hoạt động cho vay NN của NHTM như: chiến lược kinh doanh; thương hiệu;...

c. Phân tích công tác thực hiện quy trình cho vay NN

*d. Phân tích các hoạt động cơ bản ngân hàng đã thực hiện
nhằm đạt được mục tiêu của hoạt động cho vay nông nghiệp*

- Giải pháp phát triển thị trường và KH

- Giải pháp về sản phẩm

- Giải pháp về lãi suất
- Giải pháp về nhân sự
- Giải pháp phát triển kênh phân phối
- Giải pháp về quảng bá, chăm sóc KH
- Giải pháp tăng cường đầu tư cơ sở vật chất
- Giải pháp tăng cường kiểm soát rủi ro: chủ yếu là rủi ro TD.

1.2.3. Các tiêu chí phân tích kết quả hoạt động cho vay NN

- Quy mô cho vay NN
- Thị phần dư nợ cho vay NN
- Cơ cấu cho vay NN
- Chất lượng dịch vụ cho vay NN
- Mức độ rủi ro tín dụng trong cho vay NN
- Kết quả tài chính của hoạt động cho vay NN

1.2.4. Phương pháp phân tích hoạt động cho vay NN

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHI NHÁNH GIA LAI TỪ NĂM 2012 ĐẾN NĂM 2014

2.1. TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHI NHÁNH GIA LAI

**2.1.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của
Agribank Chi nhánh Gia Lai**

**2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Agribank Chi
nhánh Gia Lai**

**2.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh chủ yếu của Agribank Chi
nhánh Gia Lai từ năm 2012 đến năm 2014**

a. Hoạt động huy động vốn

b. Hoạt động cho vay

c. Kết quả kinh doanh

2.2. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHI NHÁNH GIA LAI TỪ NĂM 2012 ĐẾN NĂM 2014

2.2.1. Phân tích môi trường cho vay nông nghiệp của Agribank Chi nhánh Gia Lai

a. Bối cảnh kinh tế vĩ mô

b. Bối cảnh thị trường cho vay NN của Agribank Gia Lai

c. Môi trường cạnh tranh

d. Chính sách tín dụng của Ngân hàng nhà nước

e. Chính sách hỗ trợ cho vay nông nghiệp

f. Bối cảnh bên trong

2.2.2. Phân tích mục tiêu cho vay nông nghiệp của Agribank Chi nhánh Gia Lai

Trong những năm qua, Agribank Gia Lai khẳng định vai trò chủ đạo, chủ lực đối với thị trường TD nông nghiệp - nông thôn nói chung cũng như hoạt động cho vay NN nói riêng. Thực hiện cho vay NN đạt được những chỉ tiêu kế hoạch cơ bản đề ra như sau: Về dư nợ; Về thị phần; Về cơ cấu; Về kiểm soát rủi ro TD; Về thu nhập.

2.2.3. Phân tích công tác tổ chức thực hiện quy trình cho vay nông nghiệp của Agribank Chi nhánh Gia Lai

Quy trình CV khá rõ ràng có sự phân cấp thẩm quyền theo quy mô; có sự phân định trách nhiệm và thẩm quyền của từng bộ phận, đặc biệt nhiệm vụ giải ngân đã chuyển sang cho bộ phận kế toán thực hiện để đảm bảo tính khách quan. Nhưng quy trình vẫn còn những hạn chế nhất định: chuyên môn hóa chưa cao, quy trình chưa tăng cường công tác kiểm soát lại, nên dễ xảy ra tiêu cực trong CV.

2.2.4. Phân tích những hoạt động cơ bản Agribank Chi nhánh Gia Lai đã triển khai để đạt được mục tiêu trong thời gian qua

a. Giải pháp phát triển thị trường và khách hàng

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động này cũng còn những hạn chế: về công tác nghiên cứu thị trường, việc đa dạng các đối tượng KH vay vốn NN, trong đó mở rộng cho vay các trang trại và cho vay theo mô hình chuỗi giá trị nông sản chưa đạt kết quả cao.

b. Giải pháp về sản phẩm

Những năm qua Chi nhánh thực hiện đầy đủ các sản phẩm cho vay NN theo định hướng của Hội sở và theo chính sách hỗ trợ cho vay NN của Chính Phủ và triển khai các sản phẩm dịch vụ đi kèm.

c. Giải pháp về lãi suất

Agribank Gia Lai phải luôn theo sát và nắm bắt giá cả thị trường để có những chính sách lãi suất phù hợp đối với từng đối tượng KH

d. Giải pháp về quảng bá, chăm sóc khách hàng

- Việc điều tra khảo sát ý kiến của KH cũng chưa tổ chức bài bản, còn mang tính hình thức.

- Ngân hàng chưa tổ chức tư vấn tốt cho KH

- Thái độ phục vụ vẫn còn chưa tốt như các NHTM khác.

e. Giải pháp tăng cường đầu tư cơ sở vật chất

f. Giải pháp tăng cường kiểm soát rủi ro tín dụng

- Chi nhánh đã tuân thủ nghiêm chỉnh quy trình cho vay do hội sở ban hành

- Công tác giám sát khoản vay và KH vay được đôn đốc thực hiện. Theo đó, tối đa 15 ngày sau khi giải ngân, CBTD phải thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay của KH. Cùng với việc kiểm tra giám sát của bản thân những người làm công tác cho vay, việc kiểm tra giám sát hoạt động cho vay NN còn được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất bởi Phòng kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng giám đốc và Ban kiểm soát thuộc Hội đồng quản trị.

- Áp dụng biện pháp đảm bảo tiền vay theo đúng quy định.

2.2.5. Phân tích kết quả hoạt động cho vay nông nghiệp của Agribank Chi nhánh Gia Lai trong thời gian qua

a. Quy mô cho vay nông nghiệp của Agribank Chi nhánh Gia Lai

* Về dư nợ cho vay nông nghiệp

Bảng 2.4: Dư nợ cho vay nông nghiệp

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm		Năm 2014	
	Số	TT(%)	Số	TT(%)	Số	TT(%)
Tổng dư nợ cho vay	7.472	100	8.756	100	9.891	100
Dư nợ cho vay nông nghiệp	5.089	68,02	6.354	73	7.631	77,01

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2012-2014 của Agribank Gia Lai)

Dư nợ cho vay NN chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng dư nợ cho vay tại Chi nhánh luôn chiếm trên 65% tổng dư nợ, tỷ trọng này không ngừng tăng lên qua các năm. Như vậy trong thời gian qua Agribank Gia Lai luôn ưu tiên vốn cho đối tượng KH này.

* Về số lượng khách hàng và dư nợ bình quân

Bảng 2.5: Số lượng khách hàng nông nghiệp vay và dư nợ bình quân một khách hàng

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tăng, giảm%	
				2013/2012	2014/2013
Số khách hàng NN (ĐVT:KH)	61.484	61.361	62.099	-0,2	1,2
Dư nợ bình quân 1 KH	83	104	123	25,11	18,67

Nhìn vào dư nợ bình quân một KH, cho thấy quy mô tín dụng được tăng lên, cụ thể từ 83 trđ (năm 2012)/KH/lần lên 104 trđ/KH/lần vào năm 2013 và 123 trđ vào năm 2014 tăng tương ứng 48,2% so với năm 2012. Qua đó, cho thấy Chi nhánh đã có chính sách tín dụng phù hợp, tạo điều kiện cho KH vay vốn có đủ nhu cầu cho sản xuất kinh doanh, phản ánh chất lượng KH được cải thiện.

b. Thị phần dư nợ cho vay nông nghiệp của Agribank Chi nhánh Gia Lai trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Bảng 2.6: Thị phần cho vay nông nghiệp của Agribank Gia Lai trên địa bàn

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Dư nợ cho vay NN Agribank CN Gia Lai	tỷ đ	5.089	6.354	7.631
Tổng dư nợ cho vay NN của tất cả các TCTD trên địa bàn	tỷ đ	21.116	27.747	33.469
Tỷ trọng dư nợ NN của Agribank Gia Lai /Tổng dư nợ trên địa bàn	%	24,1	22,9	22,8

(Nguồn: Số liệu từ Ngân hàng Nhà nước CN tỉnh Gia Lai)

Chi nhánh luôn luôn dẫn đầu về thị phần dư nợ cho vay nông nghiệp so với các TCTD khác trên địa bàn, nhưng gần đây tỷ trọng dư nợ cho vay nông nghiệp / tổng dư nợ cho vay nông nghiệp của các TCTC trên địa bàn có xu hướng giảm so với những năm trước.

c. Cơ cấu cho vay nông nghiệp của Agribank Chi nhánh Gia Lai

**** Cơ cấu dư nợ cho vay nông nghiệp theo ngành nghề***

Bảng 2.7: Dư nợ cho vay nông nghiệp theo ngành nghề*ĐVT: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tốc độ tăng trưởng (%)	Năm 2014	Tốc độ tăng trưởng (%)
Tổng dư nợ nông nghiệp	5.089	6.354	24,85	7631	20,10
1.Trồng trọt	2.800	3.493	24,70	4225	20,97
Tỷ trọng (%)	55,03	54,97		55,36	
2.Thủy hải sản	56	71	28,68	66	-8,06
Tỷ trọng (%)	1,09	1,13		0,86	
3. Lâm nghiệp	50,89	69,89	37,33	91,57	31,02
Tỷ trọng (%)	1	1,1		1,2	
4.Chăn nuôi	1.534	1.699	10,72	1.870	10,10
Tỷ trọng (%)	30,15	26,73		24,51	
5. Diêm nghiệp	0	0		0	
Tỷ trọng (%)					
4.Khác	648	1.021	57,56	1.378	34,97
Tỷ trọng (%)	12,73	16,07		18,07	

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2012-2014 của Agribank Gia Lai)

Hoạt động cho vay NN chủ yếu ở khu vực nông thôn và ngành sản xuất chủ yếu là trồng trọt, đặc biệt là hộ sản xuất cây công nghiệp dài ngày như cà phê, tiêu, điều, cao su chiếm tỷ trọng lớn. Theo bảng 2.7, cho thấy dư nợ ngành trồng trọt luôn chiếm tỷ lệ cao nhất qua các năm so với các đối tượng khác, trung bình chiếm trên 50% trong tổng dư nợ cho vay NN.

*** Cơ cấu dư nợ cho vay nông nghiệp theo kỳ hạn**

Bảng 2.8: Dư nợ cho vay NN theo kỳ hạn tại Agribank Gia Lai

(DVT: tỷ đồng)

Năm Chỉ tiêu	2012		2013		2014		Tốc độ tăng (%)	
	Số tiền	(%)	Số tiền	(%)	Số tiền	(%)	2013 /2012	2014 /2013
NH	3.983	78,27	4.958	78,03	5.646	73,99	24,48	13,88
TDH	1.106	21,73	1.396	21,97	1.985	26,01	26,22	42,19
Tổng dư nợ cho vay NN	5.089	100	6.354	100	7.631	100	24,86	20,1

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2012-2014 của Agribank Gia Lai)

Dư nợ cho vay ngắn hạn đối với khách hàng sản xuất NN trong 3 năm luôn chiếm tỷ trọng cao trên 73% tổng dư nợ cho vay NN và tăng trưởng đều qua các năm cụ thể năm. Trong khi đó, tỷ trọng dư nợ cho vay trung dài hạn trung bình 3 năm qua chỉ chiếm khoảng 23,31%, nhưng cũng đang có dấu hiệu tăng dần.

*** Cơ cấu dư nợ cho vay nông nghiệp theo phương thức cho vay**

Bảng 2.9. Dư nợ cho vay nông nghiệp theo phương thức cho vay

(DVT: Tỷ đồng)

Phương thức cho vay	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số tiền	TT(%)	Số tiền	TT(%)	Số tiền	TT(%)
Tổng dư nợ CV NN	5.089	100	6.354	100	7.631	100
Cho vay từng lần	2.564	50,39	3.370	53,04	3.894	51,03
Cho vay theo hạn mức tín dụng	1.419	27,88	1.588	24,99	1.752	22,96
Cho vay đầu tư TSCĐ, dự án	1.106	21,73	1.396	21,97	1.985	26,01

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2012-2014 của Agribank Gia Lai)

Cho vay từng lần vẫn còn chiếm tỷ trọng cao trong tổng dư nợ cho vay NN. Tuy có nhiều ưu điểm hơn, cho vay theo hạn mức cũng còn ở mức thấp, dư nợ cho vay NN đối với cho vay hạn mức trung bình 1.586 tỷ đồng, chiếm 25,28% tổng dư nợ cho vay NN Phương thức cho vay theo dự án cũng có chiều hướng tăng và có tỷ trọng ngày càng cao từ 21,73% năm 2012 lên 26,1% năm 2014.

*** Cơ cấu cho vay nông nghiệp theo đối tượng khách hàng**

Bảng 2.10: Dư nợ cho vay nông nghiệp theo đối tượng khách hàng vay

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2.012		2013		2014	
	Số tiền	TT(%)	Số tiền	TT(%)	Số tiền	TT(%)
Cá nhân, Hộ gia đình	3.320.358	65,24	4.461.154	70,21	5.671.649	74,32
Chủ trang trại	117.057	2,30	219.214	3,45	343.413	4,50
Doanh nghiệp	1.607.249	31,58	1.615.826	25,43	1.548.409	20,29
Hợp tác xã, tổ hợp tác	44.787	0,88	57.822	0,91	67.919	0,89
Tổng dư nợ cho vay NN	5.089.452	100	6.354.015	100	7.631.390	100

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2012-2014 của Agribank Gia Lai)

Theo bảng 2.10, đối tượng KH cá nhân, hộ gia đình vay vốn sản xuất NN là nhiều nhất, dư nợ tăng trưởng đều qua các năm với mức dư nợ trung bình 3 năm qua lên đến 4.484 tỷ đồng tương ứng tỷ trọng trên 65% tổng dư nợ cho vay NN.

*** Cơ cấu dư nợ cho vay nông nghiệp theo địa bàn**

Bảng 2.12: Dư nợ cho vay Nông nghiệp theo địa bàn cho vay*ĐVT: triệu đồng*

Địa bàn	2012		2013		2014	
	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT(%)
CN tỉnh Gia Lai (HST)	83.437	1,64	112.292	1,77	136.599	1,79
CN TP. Pleiku Gia Lai	82.446	1,62	114.097	1,80	139.652	1,83
CN An Khê Gia Lai	164.278	3,23	196.613	3,09	226.648	2,97
CN Chư Prông Gia Lai	415.186	8,16	509.711	8,02	624.998	8,19
CN Chư Sê Gia Lai	201.954	3,97	278.772	4,39	354.852	4,65
CN Ia Grai Gia Lai	304.296	5,98	389.696	6,13	473.136	6,20
CN Ayun Pa Gia Lai	170.316	3,35	196.461	3,09	197.649	2,59
CN Krông Pa Gia Lai	183.673	3,61	204.413	3,22	243.436	3,19
CN KBang Gia Lai	293.685	5,77	362.721	5,71	441.848	5,79
CN Mang Yang Gia Lai	145.126	2,85	194.072	3,05	238.094	3,12
CN Đức Cơ Gia Lai	509.401	10,01	638.307	10,05	771.518	10,11
CN Chư Păh Gia Lai	322.543	6,34	379.277	5,97	448.717	5,88
CN Đăk Đoa Gia Lai	409.933	8,05	532.428	8,38	641.787	8,41
CN Kong Chro Gia Lai	128.032	2,52	174.212	2,74	194.596	2,55
CN Ia Pa Gia Lai	212.147	4,17	231.555	3,64	245.726	3,22
CN Đăk Pơ Gia Lai	170.095	3,34	210.065	3,31	251.831	3,30
CN Diên Hồng Gia Lai	124.579	2,45	147.836	2,33	162.545	2,13
CN Hội Thương Gia Lai	123.166	2,42	131.726	2,07	142.704	1,87
CN Hoa Lư Gia Lai	176.060	3,46	210.146	3,31	242.673	3,18
CN Yên Đỗ Gia Lai	146.393	2,88	174.575	2,75	190.781	2,50
CN Trà Bá Gia Lai	234.819	4,61	301.390	4,74	364.010	4,77
CN Biên Hồ Gia Lai	140.680	2,76	179.442	2,82	226.648	2,97
CN Phú Thiện Gia Lai	138.163	2,71	214.918	3,38	344.932	4,52
CN Chư Puh Gia Lai	208.832	4,10	269.290	4,24	325.854	4,27
TỔNG	5.089.240	100	6.354.015	100	7.631.233	100

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2012-2014 của Agribank Gia Lai)

Cơ cấu cho vay NN phân theo địa bàn trong những năm qua chủ yếu tập trung ở khu vực các huyện, vùng nông thôn. Cụ thể, ở các khu vực các huyện đều có quy mô cho vay NN tăng trưởng qua các năm, đặc biệt là các huyện có tiềm năng phát triển cây công nghiệp dài ngày như: Kbang, Đăk Đoa, Ia Grai, Đứk Cơ, Chư Prông đều đã đạt quy mô tín dụng trên 400 tỷ đồng/đơn vị và chiếm tỷ trọng từ 6% tổng dư nợ cho vay NN trở lên.

** Cơ cấu dư nợ cho vay nông nghiệp theo quy mô*

Bảng 2.11: Dư nợ cho vay nông nghiệp theo quy mô cho vay

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012		2013		2014	
	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)
Dưới 50 trđ	358.473	7,04	587.53	9,25	467.235	6,12
Từ 50-200 trđ	1.532.624	30,11	2.255.310	35,49	2.562.820	33,58
Từ 200 - 500 trđ	1.451.207	28,51	1.884.047	29,65	2.451.952	32,13
Trên 500 trđ	1.747.148	34,33	1.627.128	25,61	2.149.383	28,17
Tổng dư nợ cho vay NN	5.089.452	100	6.354.015	100	7.631.390	100

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2012-2014 của Agribank Gia Lai)

d. Chất lượng dịch vụ cho vay nông nghiệp của Agribank Chi nhánh Gia Lai

Việc đánh giá chất lượng dịch vụ cho vay NN được thực hiện mỗi năm 1 lần, gồm đánh giá của nội bộ NH (đánh giá trong) và

kết hợp với kết quả khảo sát KH của bộ phận Marketing tại Chi nhánh (đánh giá ngoài).

Nhìn chung, Chi nhánh được đánh giá tốt về các mặt: không gian giao dịch thoải mái, mạng lưới giao dịch rộng khắp, cơ sở vật chất hiện đại, trang phục của nhân viên thanh lịch, gọn gàng và phù hợp. Các góp ý cải thiện tập trung vào các khâu: thái độ phục vụ, thời gian xử lý hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay chưa gọn nhẹ, chất lượng tư vấn hỗ trợ KH chưa cao.

e. Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay nông nghiệp của Agribank Chi nhánh Gia Lai

Công tác kiểm soát RRTD trong cho vay NN được thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, sau đây là một số kết quả trong quá trình thực hiện giải pháp về đảm bảo tiền vay, bảo hiểm TD và kết quả kiểm soát rủi ro qua các năm thể hiện qua chỉ tiêu nợ xấu.

- Thực hiện bảo đảm tiền vay trong cho vay nông nghiệp

Bảng 2.13. Dư nợ cho vay nông nghiệp theo tài sản đảm bảo

(ĐVT: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Tốc độ tăng trưởng			
							Năm 13/12		Năm 14/13	
	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %	Số tiền	%	Số tiền	%
Dư nợ NN	5.089	100	6.354	100	7.631	100	1.265	24,86	1.277	20,1
+ Có bảo	4.286	84,22	5.405	85,06	6.629	86,87	1.119	26,11	1.224	22,65
+ Không có bảo đảm bằng TS	803	15,78	949	14,94	.002	13,13	146	18,18	53	5,29

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2012-2014 của Agribank Gia Lai)

Cho vay có TSDB với tỷ trọng khá cao, trung bình trên 85%, cho vay không có TSDB chỉ chiếm bình quân khoảng 14,62% tổng dư nợ cho vay NN và có chiều hướng giảm dần trong những năm qua. Chi nhánh luôn yêu cầu về giá trị TSDB ở mức cao nhằm hạn chế mức độ rủi ro thất thoát vốn nhưng điều này gây ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tăng trưởng tín dụng và đôi khi bỏ qua những KH tốt, phương án khả thi.

- Tình hình thực hiện bảo hiểm tín dụng trong cho vay nông nghiệp

Sản phẩm này được triển khai mạnh mẽ tại Agribank Gia Lai từ năm 2012, đến 30/11/2014 số lượng KH sử dụng dịch vụ là 30.018 KH, dư nợ được bảo hiểm là 1.297 tỷ đồng tương ứng 16,99% tổng dư nợ cho vay NN. Tỷ lệ này còn quá thấp so với tổng dư nợ cho vay NN.

- Kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng thể hiện qua chỉ tiêu nợ xấu trong cho vay nông nghiệp

Bảng 2.14: Nợ xấu cho vay nông nghiệp (ĐVT: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Tốc độ tăng trưởng			
							Năm 13/12		Năm 14/13	
	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)
Nợ xấu	75	100	93	100	130	100	18	24	37	39,78
<i>Trong đó vay NN</i>	42	56	50	53,76	57	43,85	8	19,05	7	14
Tỷ lệ NX/Tổng DN	0,56		0,57		0,58		0,02		0,02	
Tỷ lệ NX vay NN/DN vay NN	0,83		0,79		0,75		-0,05		-0,05	

Mặc dù lĩnh cho vay trong lĩnh vực NN luôn đối diện với nhiều rủi ro nhưng những năm qua với những giải pháp tăng cường kiểm soát rủi ro được thực hiện, Chi nhánh đã có những bước thành công nhất định, tỷ lệ nợ xấu trong lĩnh vực cho vay nông nghiệp đã giảm và thấp hơn so với các ngành nghề khác.

f. Kết quả tài chính của hoạt động cho vay nông nghiệp tại Agribank Chi nhánh Gia Lai

Bảng 2.15: Thu nhập từ hoạt động cho vay nông nghiệp

(ĐVT: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Tốc độ tăng trưởng			
							Năm 2013/2012		Năm 2014/2013	
	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %
Tổng thu nhập	1.236	100	1.142	100	1.296	100	-94	-7,6	154	13,49
Thu từ cho vay NN	785	63,5	756	66,21	887	68,42	-29	-3,69	131	17,32

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm 2012-2014 của Agribank Chi nhánh Gia Lai)

Thu nhập từ hoạt động cho vay đối với KH chiếm tỷ lệ tương đối cao, trung bình chiếm trên 60% tổng thu nhập của Chi nhánh. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của cho vay NN đối với Chi nhánh Agribank Gia Lai.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHI NHÁNH GIA LAI

2.3.1. Những mặt thành công trong hoạt động cho vay nông nghiệp

2.3.2. Hạn chế và những nguyên nhân của hạn chế trong hoạt động cho vay nông nghiệp

a. Hạn chế

Một là: Công tác phát triển khách hàng chưa tốt

Hai là : Quy trình, thủ tục cho vay còn chưa phù hợp

Ba là: Công tác kiểm soát rủi ro còn hạn chế

Bốn là: Cơ cấu cho vay nông nghiệp còn chưa hợp lý

Năm là: Công tác Marketing chưa được quan tâm chú trọng đúng mức

Sáu là: Nguồn vốn cho vay nông nghiệp còn hạn chế

b. Nguyên nhân của hạn chế

*** Nguyên nhân chủ quan**

Thứ nhất: Chính sách khách hàng

Thứ hai: Chính sách tín dụng còn nhiều điểm chưa hợp lý

Thứ ba: Công tác thu thập thông tin tín dụng chưa hiệu quả.

Thứ tư: Tình trạng quá tải trong quản lý các khoản vay.

Thứ năm : Nguyên nhân xuất phát từ cán bộ tín dụng.

Thứ sáu: Nguyên nhân từ phía lãnh đạo

Thứ bảy: Ngân hàng chưa xây dựng chiến lược huy động vốn phù hợp

*** Nguyên nhân khách quan**

Thứ nhất là nguyên nhân từ môi trường, chính sách: Chủ yếu xuất phát từ thực trạng nền kinh tế, các diễn biến của thị trường, cơ chế quản lý của nhà nước và các yếu tố khách quan của nền kinh tế.

Thứ hai là nguyên nhân từ phía khách hàng vay vốn: Quy mô vốn tự có thấp, tính tự chủ về tài chính chưa cao, sản xuất phân tán, trình độ kỹ thuật canh tác còn thấp, hoạt động của các tổ vay vốn tại địa phương chưa chặt chẽ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHI NHÁNH GIA LAI

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Bối cảnh thị trường ảnh hưởng đến hoạt động cho vay nông nghiệp trong thời gian tới

3.1.2. Định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh Gia Lai thời gian tới

3.1.3. Định hướng hoạt động cho vay nông nghiệp của Agribank Chi nhánh Gia Lai trong thời gian tới

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHI NHÁNH GIA LAI

3.2.1. Vận dụng chính sách khách hàng phù hợp với đặc thù ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Chi nhánh cần xây dựng định hướng lâu dài về thị trường và thị phần chủ lực là lĩnh vực nông nghiệp.

- Tổ chức điều tra tình hình kinh tế địa phương, xác định rõ nhóm khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng từ đó có phương thức tiếp cận, quản lý; xây dựng chính sách khách hàng để giữ vững và phát triển thị phần.

- Chi nhánh cần chọn lọc những khách hàng có mục đích vay vốn sản xuất NN phù hợp với định hướng phát triển NN của tỉnh Gia Lai. Tập trung đầu tư vốn phát triển các loại nông sản thay thế hàng nhập khẩu như: ngô, đậu tương, bông, thuốc lá, bò sữa... đồng thời tiếp tục đầu tư vốn phát triển các mặt hàng nông sản có lợi thế xuất khẩu như: cà phê, cao su, tiêu, điều, bột giấy, gỗ, rau... theo hướng thâm canh cao, nâng cao chất lượng và hiệu quả, góp phần nâng kim ngạch xuất khẩu.

3.2.2. Vận dụng quy trình cho vay khoa học và chặt chẽ hơn

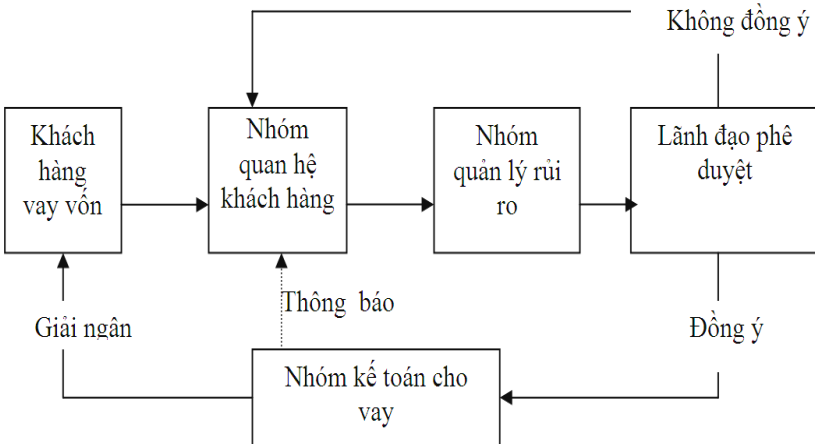
+ Giảm bớt quyền hạn của cán bộ tín dụng, do có nhiều bộ phận tham gia vào một quyết định cho vay của một khách hàng, nên hạn chế được sách nhiễu của cán bộ tín dụng và rủi ro về đạo đức của cán bộ tín dụng gây ra.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng đến giao dịch, như thời gian giải quyết món vay được rút ngắn, do đã quy định thời gian giải quyết hồ sơ từng bộ phận, khách hàng trả nợ khi nào cũng được không phụ thuộc vào cán bộ tín dụng vì đã có bộ phận kế toán tín dụng riêng biệt...

+ Có bộ phận quản lý rủi ro tái thẩm định khoản vay, cho nên rủi ro trong cho vay giảm xuống.

+ Việc giám sát sau cho vay được giám sát chặt chẽ, do bộ phận quản lý rủi ro theo dõi, đôn đốc cán bộ tín dụng xử lý nợ xấu.

Quy trình có thể tóm tắt qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 3.1. Xây dựng lại quy trình cho vay nông nghiệp

3.2.3 Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro trong cho vay nông nghiệp

a. Nâng cao chất lượng thẩm định cho vay nông nghiệp

b. Nâng cao hiệu quả cho vay tín chấp đối với khách hàng nông nghiệp

Trước hết phải triển khai hệ thống xếp hạng TD đồng bộ đối với tất cả KH vay sao cho đánh giá chính xác được tình hình tài chính, uy tín, dòng tiền của phương án SXKD và khả năng trả nợ của KH, nhất là đối với KH cá nhân, hộ gia đình hiện nay còn chưa thực hiện tốt

Thứ hai, tăng cường công tác thu thập thông tin, đánh giá để chọn ra những KH thật sự đáng tin cậy, có uy tín và phương án khả thi, hiệu quả

Thứ ba, nâng cao chất lượng trong công tác hỗ trợ, tư vấn cho KH

c. Bảo hiểm tín dụng trong cho vay nông nghiệp

- Quảng bá, giới thiệu về những lợi ích khi tham gia bảo hiểm NN.

- Khuyến khích khách hàng mua bảo hiểm NN với những ưu đãi về lãi suất và phí ở mức cao, hợp lý hơn.

- Bên cạnh đó, giao chỉ tiêu bán sản phẩm bảo hiểm TD cho CBTD để tăng doanh số bảo hiểm TD đồng thời giảm thiểu rủi ro TD cho NH.

d. Tích cực xử lý các khoản nợ có vấn đề

Áp dụng các biện pháp cơ cấu lại nợ trên cơ sở đánh giá khả năng và thiện chí trả nợ và tăng cường các biện pháp giám sát. Có biện pháp xử lý những người có liên quan gây ra nợ xấu.

e. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát

- Trước khi cho vay
- Trong khi cho vay
- Sau khi cho vay

3.2.4. Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ cho khách hàng nông nghiệp về phương án sản xuất kinh doanh

Tư vấn cho KH về định hướng phát triển kinh tế tại địa phương để nông hộ có cơ sở xây dựng kế hoạch SXKD mang tính ổn định, bền vững tránh việc mở rộng sản xuất kiểu tự phát.

Tư vấn cho nông hộ tìm đến các trung tâm khuyến nông để được hỗ trợ về giống cây trồng, vật nuôi cũng như chuyển giao kỹ thuật công nghệ mới trong khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản.

Tư vấn cho nông hộ về việc tiêu thụ nông sản thông qua việc ký kết hợp đồng bao tiêu, hợp đồng tiêu thụ qua siêu thị, qua sàn giao dịch, qua trang web... để có thể tiêu thụ nông sản có lợi nhất.

3.2.5. Đa dạng hóa hình thức cho vay đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp

- *Bổ sung hình thức cho vay tạm trữ nông sản*
- *Mở rộng cho vay hạn mức tín dụng*
- *Mở rộng việc cho vay gián tiếp thông qua tổ vay vốn*

3.2.6. Tăng cường cho vay trang trại và cho vay theo mô hình chuỗi giá trị nông sản

a. Cho vay phát triển trang trại

NH cần chủ động trong tiếp xúc với KH, tìm hiểu nhu cầu và khả năng của KH trước khi đến vay vốn NH, NH cần có những sản phẩm mới, đa dạng và linh hoạt để đáp ứng tối đa nhu cầu vay vốn

NH cần khảo sát thị trường, chủ động bám sát địa bàn để nắm

thông tin chính xác từ phía KH, đặc biệt ở những địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển như huyện Đức Cơ, Kbang...

Bên cạnh đó, NH cũng nên có chính sách cạnh tranh mạnh mẽ hơn trước đây để thu hút KH: tăng cường cán bộ đi cơ sở, giao chỉ tiêu gia tăng số lượng TT và có chính sách ưu đãi về lãi suất với những TT có tính khả thi và hiệu quả cao, nhất là những TT cây công nghiệp lâu năm phù hợp với thế mạnh của Gia Lai.

b. Cho vay theo mô hình chuỗi giá trị nông sản

Trước hết, bản thân NH phải hiểu rất rõ về NN, phân tích được các hàng hóa, chuỗi giá trị quan trọng trên thị trường NN cũng như các rủi ro liên quan.

Thứ hai, NH nên lựa chọn những khu vực có tiềm năng cao về NN

Thứ ba, NH yêu cầu khách hàng phải tham gia các hình thức bảo hiểm phù hợp với từng loại cây trồng, vật nuôi.

Thứ tư, NH cần phân tích và dự báo về từng thời kỳ cụ thể để lựa chọn cho vay theo các công đoạn, các khâu trong chuỗi giá trị để phát huy vai trò trong chuỗi giá trị.

Thứ năm, Ban lãnh đạo NH cần có các cam kết dài hạn với lĩnh vực NN, lập quỹ dự phòng đặc biệt.

Cuối cùng, NH cũng phải phân nhóm đối tượng cho vay và lựa chọn các đối tượng và mắt xích phù hợp nhất với mình để cho vay.

3.2.7. Các giải pháp hỗ trợ

a. Tăng cường công tác huy động vốn

b. Đẩy mạnh hoạt động Marketing hướng tới khách hàng

c. Nâng cao chất lượng nhân sự

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với Chính phủ, các Bộ, Ngành và chính quyền địa phương

a. Đối với Chính phủ và các Bộ, Ngành

b. Đối với các cấp chính quyền địa phương

3.3.2. Đối với ngân hàng Nhà nước

3.3.3. Đối với NHNN&PTNT Việt Nam

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Những chủ trương, chính sách về hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Đảng và Nhà nước ta đã tạo cho bộ mặt nông nghiệp - nông thôn Việt Nam nói chung và tỉnh Gia Lai nói riêng có những đổi thay đáng phấn khởi. Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng trưởng nhanh; cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn chuyển dịch tích cực theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với nhu cầu thị trường; thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng lên.

Luận văn nhằm phát huy hơn những thành quả trong đầu tư tín dụng mà Chi nhánh đã đạt được trong thời gian qua cũng như đưa ra các giải pháp để hạn chế đến mức thấp nhất những tồn tại còn tiềm ẩn, góp phần vào sự phát triển chung của KT-XH tại các địa phương.

Luận văn đã tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu:

1) Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về: nông nghiệp và cho vay nông nghiệp; vai trò, những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay nông nghiệp và phân tích hoạt động cho vay nông nghiệp của NHTM.

2) Đánh giá thực trạng hoạt động cho vay nông nghiệp tại Agribank Chi nhánh tỉnh Gia Lai trong mối quan hệ với bối cảnh nền kinh tế. Nêu ra được những tồn tại chủ yếu trong thực tế cho vay nông nghiệp và yêu cầu cần giải quyết để hoàn thiện hoạt động cho vay nông nghiệp trong thời gian tới.

3) Đề xuất các giải pháp chủ yếu có tính khả thi trong các khâu tổ chức hoạt động cho vay nông nghiệp tại Ngân hàng thương mại và giải pháp hỗ trợ từ phía quản lý Nhà nước để nhằm đạt đến mục tiêu: nâng cao chất lượng cho vay nông nghiệp trong thực tế hoạt động tại Agribank Chi nhánh tỉnh Gia Lai.